TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 150 /2026/HS-ST
Ngày: 24 – 8 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (được biệt phái về Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị theo Quyết định biệt phái số 672/QĐ-TCCB ngày 06/8/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bách – Kiểm sát viên Trung cấp và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quý H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 11/3/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức M, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1966, tại tỉnh Quảng Trị, CCCD: 044066001810; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; nghề nghiệp, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T4; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị; con ông: Phạm Văn T (đã chết), con bà: Ngô Thị N (đã chết); vợ: Ngô Thị L, sinh năm: 1965 (là bị cáo trong cùng vụ án); con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999; anh chị em ruột: Có 06 người, M là con út trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Thị L, sinh ngày 02 tháng 07 năm 1965, tại tỉnh Quảng Trị, CCCD: 044066001810; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học

vấn: Lớp 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị; con ông: Ngô Xuân H1 (Đã chết), con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1923; chồng: Phạm Đức M, sinh năm: 1966 (là bị cáo trong cùng vụ án); con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999; anh chị em ruột: Có 05 người, L là con thứ 3 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Ngô Văn L2, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân H3, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982: địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Văn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thanh H4, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP A, xã H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/06/2010 Doanh nghiệp tư nhân M1 được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Q (tỉnh Quảng Bình cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Doanh nghiệp tư nhân. Mã số doanh nghiệp C3. Ngành nghề kinh doanh gồm nhiều ngành nghề, trong đó có ngành nghề khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810). Ngày 02/02/2018, Doanh nghiệp tư nhân M1 chuyển đổi thành Công ty TNHH T4 (Công ty TNHH T4), do ông Phạm Đức M là Giám đốc Công ty.

Ngày 06/03/2017, Doanh nghiệp tư nhân M1 được UBND tỉnh Q cấp phép theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 665/GP-UBND và Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số: 385/GP-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Q. Trên Giấy phép thể hiện là Doanh nghiệp tư nhân M1, nhưng thực tế Doanh nghiệp đã chuyển đổi thành Công ty TNHH T4. Vị trí cấp phép sau khi gia hạn được khai thác tại khu vực sông B, thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị có hệ toạ độ V- 2000 (Kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3º - ký hiệu X(m) từ 1.946.830,00 đến 1.947.060,00; ký hiệu Y(m) 538.665,00 đến 538,839,00) với diện tích: 6.910 m2, trữ lượng 22.434m3.

Sau khi được cấp phép đến hết tháng 10 năm 2026 khai thác đúng vị trí được cho phép. Tuy nhiên đến ngày 01 tháng 11 năm 2025 do vị trí khai thác cát được cấp phép ở xa vị trí bãi tập kết và khối lượng cát ở vị trí cho phép khai thác không còn nhiều, nên ông Phạm Đức M và bà Ngô Thị L đã thống nhất với nhau sẽ di chuyển 02 bè hút cát ra ngoài phạm vi được cấp phép để tiến hành khai thác cát.

Ngày 19/12/2025, trong khi đang tiến hành khai thác cát trái phép thì bị Lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra, phát hiện. Kết quả đo đạc đã xác định số cát khai thác trái phép tổng cộng 5.192 m3. Trong đó, đã xuất bán được 912 m3 và 4.280 m3 chưa xuất bán được tập kết tại bãi tập kết.

* Kết quả xác định hiện trường:

- Vị trí cấp phép sau khi gia hạn được khai thác tại khu vực sông B, thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị được đo theo hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3°) - có tọa độ X: từ 1.946.830,00 đến 1.947.060,00; tọa độ Y: 538.665,00 đến 538,839,00).

- Vị trí khai thác cát trái phép trên sông B tại thời điểm kiểm tra trong đó bè hút số 01 và bé hút số 2 được đo theo hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 106°, múi chiếu 3º) - Bè số 1 có tọa độ X từ 1946548.374 đến 1946561.853; tọa độ Y từ 538924.434 đến 538945.079 và bé hút số 2 có tọa độ X từ 1946561.853 đến 1946576.806; tọa độ Y từ 538924.434 đến 538944.123.

* Tại Bản kết luận giám định của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất số PTGĐ/102-2025 ngày 08 tháng 01 năm 2026 kết luận: Tổng khối lượng mẫu cát giám định là cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III theo Nghị định 193/2025/NĐ-CP; Tương đồng về thành phần vật hóa học và cơ lý.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận:

Giá trị 01 m^3 cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại thời điểm ngày 19/12/2025 tại thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị là 168.333 đồng.

Giá trị 4.280 m³ cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại thời điểm ngày 19/12/2025 tại thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị là 720.466.667 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng:

(01) - 01 (một) máy đào bánh xích, màu cam, gàu máy 0.7m3, số máy 6031-035443, số khung: YQU1054.

(02) - 01 (một) máy đào bánh xích, màu vàng, gàu máy 0.5m3, số máy 219470, số khung: YP-02088.

(03) - 01 (một) máy đào bánh xích, màu vàng, gàu máy 0.5m3, số máy 983065, số khung: LP-06774.

(04) - 01 (một) xe ô tô tải BKS 73C-135.10, nhãn hiệu: TMT, số khung: RRT10370DL2A00160 và các giấy tờ kèm theo;

(05) - 4.280 m3 (bốn ngàn hai trăm tám mươi mét khối) cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

(06) - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M35 5G màu xanh. Máy đã qua sử dụng, có gắn thẻ SIM số 0353069142 của Ngô Thị L.

(07) - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE5G màu đen. Máy đã qua sử dụng có gắn thẻ SIM số 0912224158 và 0343155158 của Phạm Đức M.

(08) - 02 (hai) bè hút cát; Trên bè có gắn 02 đường ống nối với động cơ;

(09) - 08 (tám) cuốn sổ tay ghi chép việc bán cát do khai thác trái phép mà có, sổ ghi chép có nhiều màu sắc, đa dạng đặc điểm (có hình ảnh chụp kèm theo); 01 (một) cuốn sổ tay ghi chép hoạt động bo cát; 02 (hai) cuốn hoá đơn bán lẻ tự in, màu đỏ.

(10) - Số tiền 45.600.000 đồng bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L nộp tiền khắc phục hậu quả.

Vật chứng có số thứ tự từ 01 đến 04 đã trả cho chủ sở hữu. Vật chứng có số thứ tự từ 05 đến 08 do Cơ quan điều tra bảo quản vật chứng. Vật chứng có số thứ tự từ 09 được đánh số bút lục và chuyển theo hồ sơ vụ án. Vật chứng có số thứ tự từ 10 đang được bảo quản tại tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L đã khai thác trái phép 5.192 m3 cát có giá trị 873.984.936 đồng. Trong đó số cát tại bãi tập kết 4.280 m3 đề nghị bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước. Còn số cát 912 m3 đã xuất bán có trị giá 153.519.696 đồng, vì đã nộp khắc phục hậu quả với số tiền 45.600.000 đồng nên buộc Phạm Đức M và Ngô Thị L phải nộp thêm số tiền 107.919.696 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Cáo trạng số: 84/CT-VKS-P3 ngày 20 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L ra trước Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị để xét xử về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

* Hình phạt chính:

Áp dụng điểm b khoản 1, Điều 227; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Phạm Đức M từ 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi mốt) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) đến 42 (Bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Thị L từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Hai bị cáo là người cao tuổi, thường xuyên đau ốm, hiện nay không có công việc ổn định nên miễn không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M và bị cáo L.

* Về vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 4.280 m3 (bốn ngàn hai trăm tám mươi mét khối) cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M35 5G màu xanh. Máy đã qua sử dụng, có gắn thẻ SIM số 0353069142 của Ngô Thị L.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE5G màu đen. Máy đã qua sử dụng có gắn thẻ SIM số 0912224158 và 0343155158 của Phạm Đức M.

+ 02 (hai) bè hút cát; Trên bè có gắn 02 đường ống nối với động cơ;

+ Số tiền 45.600.000 đồng bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L nộp tiền khắc phục hậu quả.

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 08 (tám) cuốn sổ tay ghi chép việc bán cát do khai thác trái phép mà có, sổ ghi chép có nhiều màu sắc, đa dạng đặc điểm (có hình ảnh chụp kèm theo); 01 (một) cuốn sổ tay ghi chép hoạt động bo cát; 02 (hai) cuốn hoá đơn bán lẻ tự in, màu đỏ.

* Trách nhiệm dân sự: Buộc Phạm Đức M và Ngô Thị L phải nộp thêm số tiền 107.919.696 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

* Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Đức M phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Ngô Thị L hiện nay đã trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo L.

Tranh tụng tại phiên toà, các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L thừa nhận hành vi phạm tội và nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L trình bày đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được học tập, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng:

Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quyết định phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tội danh và khung hình phạt:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời

khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 19/12/2025 Phạm Đức M và Ngô Thị L đã có hành vi trực tiếp điều hành việc khai thác cát trái với phép tổng cộng 5.192 m3 cát, trị giá là 873.984.936 đồng. Trong đó, đã xuất bán được 912 m3 và 4.280 m3 chưa xuất bán. Hành vi của các Phạm Đức M và Ngô Thị L đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên: quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Phạm Đức M b khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước trong việc khai thác tài nguyên, gây ảnh hưởng đến an ninh kinh tế, an ninh môi trường trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được tài nguyên khoáng sản là tài sản quốc gia do Nhà nước thống nhất quản lý chặt chẽ và có quy định cụ thể trong việc nghiên cứu, thăm dò, khai thác khoáng sản; việc khai thác cát lòng sông không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục cải tạo đối với bị cáo vừa răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo M và L đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 45.600.000 đồng); cả hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với bị cáo Phạm Đức M được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế sau ngày 30/04/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; quá trình sinh sống tại địa phương, các bị cáo có thành tích xuất sắc được địa phương phong tặng giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt áp dụng:

[6.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, quá trình nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử ấn định hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có quá trình nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân hai bị cáo là vợ chồng, có khả năng cải tạo tại địa phương, vì vậy, chưa cần thiết phải cách ly để cải tạo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn bị phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 227 của Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên, các bị cáo đều đã trên 60 tuổi, hiện không có thu nhập, công ty của các bị cáo hiện nay không hoạt động, các bị cáo lại thường xuyên đau ốm có bệnh án và có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Các nhận định khác:

[7.1]. Đối với Hoạt động của Công ty T4 trong quá trình khai thác khoáng sản trái phép, hành vi vi phạm của Phạm Đức M và Ngô Thị L là độc lập, không liên quan đến hoạt động của Công ty T4. Quá trình điều tra chưa phát hiện Công ty T4 có dấu hiệu, sai phạm trong khai thác, mua bán, kê khai báo cáo thuế. Do vậy, không xem xét, xử lý sai phạm đối với pháp nhân là Công ty T4.

[7.2]. Đối với ông Nguyễn Quốc T1 (sinh năm: 1999, trú tại thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Trị), Nguyễn Thị H5 (sinh năm: 1971, trú tại thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị), Nguyễn Hùng C1 (sinh năm: 1990, trú tại thôn C P, xã P, tỉnh Quảng Trị) và Nguyễn Văn B (sinh năm: 1993, trú tại TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị) và có ông Phạm Xuân T2 (sinh năm: 1981, trú tại TDP B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị), ông Nguyễn Thái S (sinh năm: 1984, trú tại TDP D, xã H, tỉnh Quảng Trị) là những người mua cát từ Phạm Đức M và Ngô Thị L. Vì bản thân những người trên không biết số lượng cát đã mua do khai thác trái phép mà có, nên không xem xét xử lý.

[7.3]. Đối với ông Trần Xuân C2 (Sinh năm: 1961, trú tại thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị) và Phạm Minh H6 (Sinh năm: 1992, thường trú tại thôn K, xã B, tỉnh Quảng Trị) cùng 03 (ba) phương tiện máy múc do bị cáo thuê lại Phan Xuân T3 (sinh năm:1981, trú tại TDP B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Cả ba người trên đều không được Phạm Đức M và Ngô Thị L trao đổi, bàn bạc hay thống nhất việc sử dụng máy múc để thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Do đó, đã trả lại máy múc cho chủ sở hữu và không xem xét xử lý đối với chủ phương tiện cùng những người điều khiển phương tiện này.

[7.4]. Đối với 05 lao động làm công việc khai thác cát và 03 người vận chuyển cát cho các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L. Những người thực hiện việc điều khiển bè hút cát, không ký hợp đồng lao động, chỉ thoả thuận miệng và chi trả 300.000 đồng/1 người/1 ngày. Những người này biết bị cáo M và bị cáo L (chủ sở hữu Công ty T4) được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản tại khu vực sông B thuộc thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị nên đến làm thuê, không ký hợp đồng lao động, chỉ thoả thuận miệng và chi trả 300.000 đồng/1 người/1 ngày. Quá trình khai thác và vận chuyển cát đến bãi tập kết theo chỉ đạo của các bị cáo, những người này không được các bị cáo thông báo việc khai thác cát ngoài phạm vi cấp phép. Không có tài liệu, chứng cứ chứng minh những người này thông đồng, cấu kết với các bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không xem xét xử lý.

[8]. Về xử lý vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng gồm: 01 (một) máy đào bánh xích, màu cam, gàu máy 0.7m3, số máy 6031- 035443, số khung: YQU1054; 01 (một) máy đào bánh xích, màu vàng, gàu máy 0.5m3, số máy 219470, số khung: YP-02088; 01 (một) máy đào bánh xích, màu vàng, gàu máy 0.5m3, số máy 983065, số khung: LP-06774; 01 (một) xe ô tô tải BKS 73C-135.10, nhãn hiệu: TMT, số khung: RRT10370DL2A00160 và các giấy tờ kèm theo.

- Đối với 02 (hai) bè hút cát; trên bè có gắn 02 đường ống nối với động cơ và 4.280m3 (bốn ngàn hai trăm tám mươi mét khối) cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 08 (tám) cuốn sổ tay ghi chép việc bán cát do khai thác trái phép mà có, sổ ghi chép có nhiều màu sắc, đa dạng đặc điểm (có hình ảnh chụp kèm theo); 01 (một) cuốn sổ tay ghi chép hoạt động bo cát; 02 (hai) cuốn hoá đơn bán lẻ tự in, màu đỏ là tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M35 5G màu xanh. Máy đã qua sử dụng, có gắn thẻ SIM số 0353069142 của Ngô Thị L và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE5G màu đen. Máy đã qua sử dụng có gắn thẻ SIM số 0912224158 và 0343155158 của Phạm Đức M là tài sản cá nhân của các bị cáo không sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 45.600.000 đồng bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L nộp tiền khắc phục hậu quả cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Trách nhiệm dân sự: Phạm Đức M và Ngô Thị L đã khai thác trái phép 5.192 m3 cát có giá trị 873.984.936 đồng. Trong đó số cát tại bãi tập kết 4.280 m3 đề

nghị bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước. Còn số cát 912 m3 đã xuất bán có trị giá 153.519.696 đồng, vì đã nộp khác phục hậu quả với số tiền 45.600.000 đồng nên buộc Phạm Đức M và Ngô Thị L phải nộp thêm số tiền 107.919.696 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Đức M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Ngô Thị L hiện nay đã trên 60 tuổi, đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo L.

[11]. Quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*".

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức M 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/8/2026.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

2.4. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/8/2026.

Giao bị cáo Phạm Đức M, bị cáo Ngô Thị L cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2.5. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 1 Điều 278 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Đức M, bị cáo Ngô Thị L kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2026).

4. Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L phải nộp thêm số tiền 107.919.696 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các phương tiện dùng cho việc phạm tội gồm:

- 02 (hai) bè hút cát; trên bè có gắn 02 đường ống nối với động cơ;

- 4.280m^3 (bốn ngàn hai trăm tám mươi mét khối) cát hạt thô thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M35 5G màu xanh. Máy đã qua sử dụng, có gắn thẻ SIM số 0353069142 của Ngô Thị L;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 FE5G màu đen. Máy đã qua sử dụng có gắn thẻ SIM số 0912224158 và 0343155158 của Phạm Đức M.

(*Các vật chứng có đặc điểm như trên hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bảo quản theo Công văn số 1247/CV-VKSQT-P3 ngày 20/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị*).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 45.600.000 đồng bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L nộp tiền khắc phục hậu quả, theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/26E, số 0000646 ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân sự Quảng Trị.

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 08 (tám) cuốn sổ tay ghi chép việc bán cát do khai thác trái phép mà có, sổ ghi chép có nhiều màu sắc, đa dạng đặc điểm (có hình ảnh chụp kèm theo); 01 (một) cuốn sổ tay ghi chép hoạt động bo cát; 02 (hai) cuốn hoá đơn bán lẻ tự in, màu đỏ

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo Phạm Đức M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Thị L được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2026) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV1-Quảng Trị;
- Công an tỉnh QT;
- Phòng THADSKV 1 - Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng;
- THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đức M và Ngô Thị L cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.